| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 119/2018/QĐST-HNGĐ | *Quận 7, ngày 22 tháng 02 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa người yêu cầu:

- Ông Mai Văn B, sinh năm 196x;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 196x;

Cùng địa chỉ: 37/6 B tổ 7, khu phố 1, phường **TT**, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Ông Mai Văn B và bà Nguyễn Thị T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn B và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số xx, Quyển số aa/bb ngày 08/9/bb do phường TT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

* Về con chung: Ông Mai Văn B và bà Nguyễn Thị T có 02 (hai) người con chung, họ tên là Mai Phương Th, sinh ngày 31/3/199x (đã trưởng thành) và Mai Trung K, sinh ngày 02/4/200x.

Hai bên thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Mai Trung K. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông Mai Văn B được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Mai Văn B và bà Nguyễn Thị T chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025xx4 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Ông B và bà T đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp.HCM
- Lưu hồ sơ vụ án;

**Hoàng Thị Bích Thảo**